

THE PREVALENCE AND INTENSITY OF HELMINTH SPECIES INFECTION IN THE COMMUNITY IN KON TUM AND DAK NONG PROVINCES, 2024

Tran Binh Trong*, Ly Chanh Ty, Nguyen Huu Giao,
Nguyen Thi Thanh Tram, Nguyen Thi Dung, Nguyen Ha Vi

Institute of Malariology Parasitology and Entomology Quy Nhon - 611B Nguyen Thai Hoc, Quy Nhon City, Vietnam

Received: 12/02/2026

Revised: 14/03/2026; Accepted: 27/03/2026

ABSTRACT

The Central and Central Highlands regions have high prevalence rates of several helminth infections, in addition to soil-transmitted helminths (STH), several parasitic diseases transmitted from animals to humans such as fascioliasis, *Opisthorchiidae* spp., and *Taenia saginata*, have been recorded in many localities in the region. Therefore a comprehensive investigation was conducted to determine the prevalence of helminths infection in communities at some selected high-risk locations.

Objective: To determine the prevalence and intensity of infection with selected helminth species in humans at the research locations using the Kato - Katz stool examination technique.

Research methods: A descriptive cross-sectional study. Results: The overall prevalence of helminth infections was 44.31% in Dak Mon, 27.14% in Dak Kroong, 8.45% in Dak Buk So, and 5.45% in Quang Tam. The mean infection intensity of soil-transmitted helminths was 47.46 eggs per gram (EPG) for *Ancylostoma duodenale/Necator americanus* (Dak Glei district: 79.4; Tuy Duc district: 12.08), 1.50 EPG for *Trichuris trichiura* (1.90; 1.01), and 1.13 EPG for *Ascaris lumbricoides* (1.50; 0.71). The mean intensity of *Opisthorchiidae* spp. was 171.76 EPG in Dak Mon, 23.38 EPG in Dak Kroong, and 3.1 EPG in Dak Buk So.

Conclusion: The prevalence and intensity of several helminth infections were identified among communities in Dak Mon and Dak Kroong communes (Dak Glei district) and Dak Buk So and Quang Tam communes (Tuy Duc District).

Keywords: Soil-transmitted helminths; Zoonotic helminths.

*Corresponding author

Email: trongimpe@gmail.com Phone: (+84) 977438787 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD4.4687

TỶ LỆ, CƯỜNG ĐỘ NHIỄM MỘT SỐ LOÀI GIUN, SÁN TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI HAI TỈNH KON TUM VÀ ĐẮK NÔNG, NĂM 2024

Trần Bình Trọng*, Lý Chanh Ty, Nguyễn Hữu Giáo,
Nguyễn Thị Thanh Trâm, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Hà Vi

Viện Sốt rét-Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn - 611B Nguyễn Thái Học, Tp. Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận: 12/02/2026

Ngày sửa: 14/03/2026; Ngày đăng: 27/03/2026

TÓM TẮT

Khu vực miền Trung - Tây Nguyên nhiễm một số bệnh giun sán chiếm tỷ lệ cao, bên cạnh nhóm giun truyền qua đất, một số giun sán truyền từ động vật sang người như sán lá gan lớn, sán lá nhỏ, sán dây bò..., được ghi nhận mắc nhiều tại một số địa phương, vì vậy đòi hỏi có một điều tra tổng thể để xác định tỷ lệ nhiễm các loài giun sán trong cộng đồng tại một số điểm có nguy cơ cao.

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ, cường độ nhiễm một số loài giun sán trên người tại các điểm nghiên cứu bằng kỹ thuật xét nghiệm phân Kato - Katz.

Phương pháp nghiên cứu: Điều tra cắt ngang mô. Kết quả: Tỷ lệ nhiễm chung các loài giun, sán: Tại xã Đăk Môn 44,31%, xã Đăk Kroong 27,14%, xã Đăk Búk So 8,45%, xã Quảng Tâm 5,45%. Cường độ nhiễm nhóm giun truyền qua đất: Giun móc/mò 47,46 trứng/gram phân (huyện Đăk Glei: 79,4; huyện Tuy Đức 12,08), giun tóc: 1,50 (1,90; 1,01), giun dũa: 1,13 (1,50; 0,71). Cường độ nhiễm sán lá nhỏ tại xã Đăk Môn: 171,76 trứng/gram phân, xã Đăk Kroong: 23,38, xã Đăk Búk So: 3,1 trứng/gram phân.

Kết luận: Đã xác định được tỷ lệ, cường độ nhiễm một số loài giun sán trong cộng đồng dân cư tại hai xã Đăk Môn, Đăk Kroong (Đăk Glei) và xã Đăk Búk So, Quảng Tâm (Tuy Đức).

Từ khóa: Giun truyền qua đất; Giun sán truyền từ động vật sang người.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, có điều kiện khí hậu, tập quán sinh hoạt và vệ sinh môi trường rất thuận lợi cho sự phát triển và lây nhiễm của các bệnh ký sinh trùng [1]. Tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên, các bệnh giun truyền qua đất vẫn còn chiếm tỷ lệ cao, đặc biệt là giun móc, bên cạnh bệnh giun truyền qua đất, một số bệnh ký sinh trùng truyền từ động vật sang người như sán lá gan, sán lá ruột, sán dây bò, ấu trùng sán dây lợn..., được ghi nhận mắc nhiều tại một số địa phương do người dân có phong tục tập quán ăn gỏi cá, thịt lợn tái, thịt bò tái, tiết canh, gan lợn tái và rau thủy sinh... không được nấu chín có chứa ấu trùng sán [2]. Như vậy cho đến nay các bệnh giun, sán không còn là bệnh lãng quên nữa mà là vấn đề y tế công cộng, làm ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người.

Kon Tum là một tỉnh phía bắc Tây Nguyên, một số huyện Sa Thầy, Đăk Glei, Ia H'Drai..., có tỷ lệ nhiễm các bệnh giun sán khá cao, đặc biệt rất nhiều trường hợp nhiễm các loại giun sán truyền từ động vật sang người được phát hiện trong thời gian gần đây [2]. Xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum nằm ở phía Nam tỉnh Kon Tum, dân số có 5.352 khẩu, hộ là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 90,93%. Xã Đăk Kroong có 4.747 khẩu, thành phần dân tộc chủ yếu là Giẻ Triêng, chiếm 98% dân số toàn xã. Người dân ở đây có tập quán ăn gỏi cá, ăn thịt bò chưa nấu chín đã có từ lâu đời, nên có nguy cơ nhiễm sán lá nhỏ, sán dây bò rất cao. Bên cạnh đó tỉnh Đăk Nông là tỉnh có nhiều dân di cư tự do, một số người dân từ các tỉnh phía bắc vào định cư sinh sống. Xã Đăk Búk So và Quảng Tâm là 2 xã thuộc vùng II biên giới thuộc huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông giáp với Campuchia, đa số người dân ở đây là dân tộc thiểu số, dân số xã Đăk Búk So 12930 khẩu, xã

Quảng Tâm có dân số 7100 khẩu, người dân sống bằng nghề làm nông/rẫy, một số cộng đồng dân di cư từ các tỉnh phía Bắc vào như dân tộc Dao, Nùng, Tày..., một số người dân tộc kinh từ các tỉnh Nam Định, Ninh Bình... vào định cư, có tập quán ăn cá nước ngọt chưa nấu chín, nên có nhiều nguy cơ nhiễm sán lá nhỏ, điều này ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân, gây khó khăn trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng của y tế cơ sở, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương. Vì vậy thực hiện đề tài này với mục tiêu: Xác định tỷ lệ, cường độ nhiễm một số loài giun sán trên người tại các điểm nghiên cứu bằng kỹ thuật xét nghiệm phân Kato - Katz có ý nghĩa quan trọng trong xác định thực trạng, tỷ lệ, cường độ nhiễm trong cộng đồng từ đó đưa ra một số biện pháp phòng chống các bệnh giun sán trong cộng đồng hiệu quả hơn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Người dân từ 2 tuổi trở lên sinh sống tại các điểm nghiên cứu.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện tại xã Đăk Môn và xã Đăk Kroong (Đăk Glei, Kon Tum); xã Đăk Búk So và xã Quảng Tâm (Tuy Đức, Đăk Nông).

Thời gian: Từ tháng 4/2024 đến tháng 12/2024.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả.

2.4. Cỡ mẫu nghiên cứu: Cỡ mẫu điều tra cắt ngang được tính theo công thức

*Tác giả liên hệ

Email: trongimpe@gmail.com Điện thoại: (+84) 977438787 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD4.4687

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

- + n: Cỡ mẫu tối thiểu;
- + $Z_{1-\alpha/2}$: Hệ số tin cậy, với độ tin cậy 95% thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$;
- + p: Tỷ lệ nhiễm ước đoán của cộng đồng: $p = 0,443$ [3].
- + d: Sai số tương đối, chọn $d = 0,05$.

Thay các giá trị vào công thức ta có $n = 380$, để tránh tình trạng thiếu hụt mẫu trong quá trình nghiên cứu nên thêm 5%, làm tròn 400; Tại mỗi tỉnh nghiên cứu xét nghiệm 400 người, tổng cộng 2 tỉnh sẽ là 800 người.

2.5. Phương pháp chọn mẫu: Chọn hộ gia đình đầu tiên trong danh sách bằng cách bốc thăm ngẫu nhiên, từ hộ gia đình đầu tiên lấy mẫu toàn bộ hộ gia đình từ 2 tuổi trở lên cho đến khi đủ cỡ mẫu.

2.6. Kỹ thuật chọn mẫu: Kỹ thuật ngẫu nhiên hệ thống, với cỡ mẫu 800 người, trung bình mỗi hộ có 4 người, vậy tổng số hộ được thu mẫu trong nghiên cứu là 200 hộ; tại mỗi xã được chọn để điều tra chỉ số k được tính như sau: Xã Đắk Môn: $5352/4/200 = 6,69$ nên chọn $k=7$ hộ, tương tự xã Đắk Kroong: $k=6$, xã Đắk Búk So: $k=16$, xã Quảng Tâm: $k=9$.

2.7. Kỹ thuật dùng trong nghiên cứu: Kỹ thuật xét nghiệm phân Kato - Katz.

2.8. Biến số nghiên cứu: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: giới tính, nhóm tuổi. Phân loại tỷ lệ nhiễm, cường độ nhiễm từng nhóm loài giun, sán.

- Cường độ nhiễm giun được tính theo số trứng có trong 1

gam phân (epg). Với tấm đồng có kích thước lỗ đồng 6mm thì lượng phân xét nghiệm là 41,6mg. Số lượng trứng giun trong 1 gam phân được xác định bằng số trứng đếm được trên tiêu bản nhân với 24.

- Cường độ nhiễm sán lá nhỏ trên người: Dựa theo phân loại của Yu Sen-Hai) [4].

- + Nhiễm nhẹ: < 1.000 trứng/1g phân
- + Nhiễm trung bình: 1.000-10.000 trứng/1g phân
- + Nhiễm nặng: > 10.000 trứng/1 g phân

- Cường độ nhiễm giun truyền qua đất: Theo khuyến cáo của WHO năm 1996:

Loài	Cường độ nhiễm nhẹ	Cường độ nhiễm trung bình	Cường độ nhiễm nặng
Giun đũa	1 - 4.999 epg	5.000 - 49.999 epg	≥ 50.000 epg
Giun tóc	1 - 999 epg	1.000 - 9.999 epg	≥ 10.000 epg
Giun móc/mỏ	1 - 1.999 epg	2.000 - 3.999 epg	≥ 4.000 epg

2.9. Quản lý và phân tích số liệu: Sau khi thu thập dữ liệu được kiểm tra rồi nhập vào Excel và phân tích, xử lý số liệu bằng phần mềm STATA13.0.

2.10. Đạo đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu được thông qua Hội đồng Đạo đức Y sinh của Viện Sốt rét - KST - CT Quy Nhơn.

3. KẾT QUẢ

3.1. Tỷ lệ nhiễm các loài giun sán tại các điểm nghiên cứu

Bảng 1. Tỷ lệ nhiễm chung các loài giun sán

Địa điểm	Số XN	Số XN (+) (%)	Sán lá nhỏ (%)	Sán dây bò (%)	G. móc/ mỏ (%)	Giun tóc (%)	Giun đũa (%)
Đắk Môn	255	113 (44,31)	34 (13,33)	15 (5,88)	58 (22,75)	6 (2,35)	0
Đắk Kroong	221	60 (27,14)	9 (4,07)	11 (4,98)	35 (15,84)	2 (0,90)	3 (1,35)
Đắk Búk So	201	17 (8,45)	3 (1,49)	0	11 (5,47)	0	3 (1,49)
Quảng Tâm	202	11 (5,45)	0	1 (0,5)	10 (4,98)	0	0
Tổng cộng	879	201 (22,86)	46 (5,23)	27 (3,07)	114 (12,96)	8 (0,91)	6 (0,68)

Tỷ lệ nhiễm chung 22,86%; trong đó nhiễm sán lá nhỏ 5,23%, sán dây bò (3,07%), giun móc/mỏ 12,96%, giun đũa 0,91%, giun tóc 0,68%. Tại xã Đắk Môn tỷ lệ nhiễm chung 44,31%, xã Đắk Kroong 27,14%, xã Đắk Búk So 8,45%, thấp nhất xã Quảng Tâm 5,45%.

Bảng 2. Tỷ lệ nhiễm theo giới tính

Địa điểm	Giới	Số XN	Số (+)	%	p
Đắk Môn	Nam	95	49	51,57	> 0,05
	Nữ	160	64	40,00	
Đắk Kroong	Nam	100	29	29,00	> 0,05
	Nữ	121	31	25,62	
Đắk Búk So	Nam	87	10	11,49	> 0,05
	Nữ	114	7	6,14	
Quảng Tâm	Nam	100	4	4,00	> 0,05
	Nữ	102	7	6,86	
Tổng cộng	Nam	382	92	24,08	> 0,05
	Nữ	497	109	21,93	

Bảng 3. Tỷ lệ nhiễm các loài giun sán theo nhóm tuổi

Địa điểm	Nhóm tuổi	Số XN	Số (+)	Tỷ lệ %
Xã Đắk Môn và Đắk Kroong (Đắk Gle)	<15	101	30	29,70
	15 - <30	95	35	36,84
	30 - <60	252	95	37,70
	≥ 60	28	13	46,43
Xã Đắk Búk So và Quảng Tâm (Tuy Đức)	<15	61	3	4,92
	15 - <30	71	5	7,04
	30 - <60	192	13	6,77
	≥ 60	79	7	8,86

Địa điểm	Nhóm tuổi	Số XN	Số (+)	Tỷ lệ %
Tổng cộng	<15	162	33	20,37
	15 - <30	166	40	24,10
	30 - <60	444	108	24,32
	≥ 60	107	20	18,69
Tổng số chung		879	201	22,87

Bảng 2: Tỷ lệ nhiễm giun sán ở nam 24,08%, nữ 21,93%, xã Đắk Môn: Nam nhiễm 51,57%, nữ nhiễm 40%; Xã Quảng Tâm: Nam giới nhiễm 6,14%, nữ nhiễm 6,86%. Không có sự khác biệt tỷ lệ nhiễm giữa nam và nữ tại các điểm nghiên cứu.

Bảng 3: Nhóm <15 tuổi có tỷ lệ nhiễm chung 20,37% (xã Đắk Môn và Đắk Kroong: 29,70, xã Đắk Búk So và Quảng Tâm: 4,92); nhóm tuổi 15 <30 nhiễm chiếm tỷ lệ 24,10% (36,84; 7,04); nhóm 30 - <60 tuổi nhiễm 24,32% (37,70; 6,77); nhóm ≥ 60 tuổi nhiễm 18,69% (46,43; 8,86).

3.2. Cường độ nhiễm giun sán tại các điểm nghiên cứu

Bảng 4. Cường độ nhiễm giun truyền qua đất

Địa điểm	Số XN	Số (+)	Số trứng trung bình/gram phân		
			Giun đũa	Giun tóc	Giun móc/mỏ
Xã Đắk Môn và xã Đắk Kroong (Đắk Glei)	476	104	1,50	1,90	79,4
Xã Đắk Búk So và xã Quảng Tâm (Tuy Đức)	403	24	0,71	1,01	12,08
Tổng cộng	879	128	1,13	1,50	47,46

Cường độ nhiễm trung bình: Giun móc/mỏ 47,46 trứng/gram phân (xã Đắk Môn và xã Đắk Kroong (Đắk Glei): 79,4; xã Đắk Búk So và xã Quảng Tâm (Tuy Đức): 12,08, giun tóc 1,50 trứng/gram phân (1,90; 1,01), giun đũa 1,13 trứng/gram phân (1,50; 0,71).

Bảng 5. Cường độ nhiễm sán lá nhỏ

Địa điểm	Số XN	Số (+)	Số trứng TB/gram phân	Nhiễm thấp nhất	Nhiễm cao nhất
Xã Đắk Môn	255	34	171,76	144	3.840
Xã Đắk Kroong	221	9	23,38	120	1.368
Xã Đắk Búk So	201	3	3,1	96	384
Quảng Tâm	202	0	0	0	0
Tổng cộng	879	46	56,25	96	3.840

Cường độ nhiễm sán lá nhỏ tại xã Đắk Môn 171,76 trứng/1 gam phân, người có cường độ nhiễm cao nhất là 3.840 trứng/gram phân, người nhiễm thấp nhất 144 trứng/gram phân. Tại xã Đắk Kroong 23,38 trứng/gram phân, người có cường độ nhiễm cao nhất 1.368, thấp nhất 120 trứng/gram phân, xã Đắk Búk So: 3,1 trứng/gram phân (96 - 384), riêng xã Quảng Tâm chưa phát hiện trường hợp nào nhiễm sán lá nhỏ.

4. BÀN LUẬN

Tỷ lệ nhiễm nhóm giun truyền qua đất (GTQĐ) tại các điểm nghiên cứu là 14,56%, kết quả này so sánh với nghiên cứu trước của Trần Bình Trọng và cộng sự (2023) tại 3 tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Bình Định, tỷ lệ nhiễm GTQĐ tại Gia Lai 31,25% cao hơn kết quả nghiên cứu này, riêng tỷ lệ nhiễm Bình Định 8,42% thấp hơn so với huyện Đắk Glei [5]. Hiện nay một số tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện kinh tế còn khó khăn, tỷ lệ nhiễm giun truyền qua đất tương đối cao, tại huyện Tuy Đức, đời sống kinh tế phát triển, cộng đồng dân di cư các tỉnh phía Bắc vào định cư, vệ sinh ăn uống và bảo hộ lao động tốt hơn nên tỷ lệ nhiễm thấp hơn (5,59%). Theo nghiên cứu của Thân Trọng Quang (2018) tại Đắk Lắk, tỷ lệ nhiễm chung là 34,3%, nhóm tuổi cao nhất là từ 2 - 5 tuổi và tỷ lệ nhiễm giun móc/mỏ cao nhất là ở nhóm tuổi >18 (25,9%) [6]. Kết quả này khác với nghiên cứu của chúng tôi về cơ cấu nhiễm các loài giun, kết quả điều tra của chúng tôi tại các điểm điều tra huyện Đắk Glei và huyện Tuy Đức đều có tỷ lệ nhiễm giun móc/mỏ chiếm rất cao trong cơ cấu các loài giun truyền qua đất khác nhiễm. Tại hai xã nghiên cứu của huyện Đắk Glei tỷ lệ nhiễm sán dây bò 5,46%; Huyện Tuy Đức nhiễm sán dây bò 0,24%, kết quả này so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Dung (2023) tại xã Đắk Môn đã phát hiện bằng kỹ thuật xét nghiệm phân Kato và quan sát đại thể đốt sán chiếm tỷ lệ 17,75% [2], kết quả này cao hơn so với chúng tôi điều này có thể giải thích, vì qua đợt điều tra trước đây có sự can thiệp với những trường hợp xét nghiệm dương tính với sán dây bò, vì vậy điều tra lại tỷ lệ nhiễm thấp hơn, ngoài ra tại huyện Tuy Đức người không có tập quán ăn thịt trâu/bò chưa nấu chín, không ăn tiết canh bò như người dân tộc Gié Triêng, vì vậy tỷ lệ nhiễm thấp hơn nhiều. Kết quả nghiên cứu nhiễm sán lá nhỏ tại các điểm nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nhiễm sán lá nhỏ tại hai xã nghiên cứu của huyện Đắk Glei 9,03%, huyện Tuy Đức nhiễm sán lá nhỏ 0,74%. Kết quả của chúng tôi thấp hơn nhiều so với một số điều tra mới nhất của Viện Sốt rét-KST-CT Trung ương và Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Yên Bái (2024), tỷ lệ nhiễm sán lá gan nhỏ ở một số địa phương trong tỉnh khá cao trên 50%. Tất cả những trường hợp dương tính với sán lá gan nhỏ qua điều tra dịch tễ có hành vi ăn gỏi cá, cá tái, mật độ nhiễm trên 52% có tỷ lệ nhiễm (++) trở lên, số ca nhiễm tập trung chủ yếu ở nhóm tuổi 30 - 45 tuổi, đây là nhóm tuổi có tỷ lệ ăn gỏi cá cao nhất, tuổi nhỏ nhất nhiễm sán lá gan nhỏ là 12 tuổi [7].

Cường độ nhiễm giun trong cộng đồng tại các điểm nghiên cứu: Giun móc/mỏ 47,46 trứng/gram phân (xã Đắk Môn và Đắk Kroong huyện Đắk Glei: 79,4; xã Đắk Búk So và Quảng Tâm huyện Tuy Đức 12,08); giun tóc 1,50 trứng/gram phân (1,90; 1,01), giun đũa 1,13 trứng/gram phân (1,50; 0,71), kết quả này so với nghiên cứu của Lê Thành Đồng (2017) tại các tỉnh phía Nam và Lâm Đồng, trong số 282 mẫu dương tính có 10 mẫu có cường độ nhiễm nặng (4,12%), 55 mẫu nhiễm trung bình (22,63%), nhiễm nhẹ (73,25%) [8]. Kết quả này khác với nghiên cứu này, tại 2 tỉnh, 100% trường hợp nhiễm giun móc và giun đũa ở mức độ nhẹ, kết quả này cũng phù hợp với một số nghiên cứu trước đây khi cho rằng đa số các trường hợp nhiễm giun truyền qua đất nói chung và nhiễm giun móc/mỏ ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên là có cường độ nhiễm nhẹ. Cường độ nhiễm sán lá nhỏ trung bình tại xã Đắk Môn: 170,76 trứng, người có cường độ nhiễm cao nhất là 3.840 trứng/gram phân, người nhiễm thấp nhất 144 trứng/gram phân. Kết quả so với nghiên cứu tại tỉnh Phú Yên từ 2018-2019, tác giả Phạm Thị Hà Trang và cộng sự (2024) báo cáo tỷ lệ nhiễm O. viverrini trên người tại xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên là 20,22% [9], kết quả này so với nghiên cứu của chúng tôi có độ tương đồng cao, người lớn thường có thói quen ăn gỏi cá chưa nấu chín, tỷ lệ này cao dần theo nhóm tuổi. Tuy nhiên cường độ nhiễm trứng sán lá nhỏ/gram phân tại Phú Yên cao hơn nghiên cứu này rất nhiều, với kết quả này có thể giải thích liên quan đến thu thập mẫu xét nghiệm, một số người dân tộc ít người thường ngại lấy phân xét nghiệm, lấy không đúng

theo hướng dẫn của cán bộ y tế, lấy sai vị trí, đối với một số người kinh, lấy mẫu phân đúng theo hướng dẫn nên khi xét nghiệm cường độ nhiễm thường cao hơn.

5. KẾT LUẬN

5.1. Tỷ lệ nhiễm các loài giun, sán tại các điểm nghiên cứu

- Tỷ lệ nhiễm chung các loài giun sán tại các điểm nghiên cứu 22,86%; nam giới nhiễm 24,08%, nữ giới nhiễm 21,93%. Xã Đắk Môn và Đắk Kroong (Đắk Gle) nhiễm giun móc/mỏ 19,53%, giun tóc 1,86%, giun dũa 0,63%, sán lá nhỏ 9,03%, sán dây bò 5,46%; xã Đắk Búk So và xã Quảng Tâm (Tuy Đức) nhiễm giun móc/mỏ 5,21%, giun dũa 0,74%, sán lá nhỏ 0,74%, sán dây bò 0,24%.

5.2. Cường độ nhiễm một số loài giun, sán tại các điểm nghiên cứu

- Cường độ nhiễm nhóm GTQĐ tại xã Đắk Môn và Đắk Kroong (Đắk Gle): Giun móc 79,4 trứng/gram phân, giun tóc 1,90; giun dũa, 1,50; tại xã Đắk Búk So và Quảng Tâm (Tuy Đức): Giun móc 12,08 trứng/gram phân, giun tóc 1,01, giun dũa 0,71.

- Cường độ nhiễm sán lá nhỏ: Tại xã Đắk Môn 171,76 trứng/gam phân; Tại xã Đắk Kroong 23,38 trứng/gam phân, xã Đắk Búk So 3,1 trứng/gram phân.

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi chân thành cảm ơn Ban Lãnh đạo và Hội đồng Khoa học Viện Sốt rét-KST-CT Quy Nhơn, các Trạm y tế xã Đắk Môn, Đắk Kroong, Đắk Búk So và Quảng Tâm, đã phối hợp hỗ trợ giúp đỡ chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quyết định 1744/QĐ-BYT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh ký sinh trùng thường gặp tại Việt Nam
- [2] Nguyễn Thị Dung (2023), Thực trạng và một số yếu

tố liên quan đến nhiễm sán dây bò ở người tại xã Đắk Môn, huyện Đắk Gle, tỉnh Kon Tum, Tạp chí Y Dược Huế - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế - Số đặc biệt, tháng 4/2024.

- [3] Viện Sốt rét - KST - CT Quy Nhơn (2023), Báo cáo Tổng kết công tác phòng chống và loại trừ sốt rét và các bệnh KST khu vực miền Trung - Tây Nguyên, năm 2023.
- [4] Yu Sen-Hai, Masanori Kawanaka, Li Xu-Ming, Xu Long-Qi, Lang Chung-Geng and Ling-Rui (2003), Epidemiological investigation on Clonorchis sinensis in Human population in an Area of South China. Jpn. J. Infect. Dis., 56, 168-171, 2003.
- [5] Trần Bình Trọng và cộng sự (2023), Điều tra tỷ lệ, cường độ nhiễm giun truyền qua đất ở một số vùng có nguy cơ cao tại tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Gia Lai, năm 2023, Tạp chí Y Dược Huế - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế - Số đặc biệt, tháng 4/2024, tr. 31-37.
- [6] Thân Trọng Quang (2018), Tỷ lệ nhiễm giun dũa, giun tóc, giun móc và một số yếu tố liên quan của người dân tại xã Buôn Triết, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk năm 2018, Kỷ yếu Hội nghị Ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 46, tr. 24-30
- [7] Báo cáo Hội thảo công tác phòng chống một số bệnh lây truyền từ ĐVSN 2021-2024 và kế hoạch 2025-2030, tổ chức tại Quy Nhơn tháng 12/2024.
- [8] Lê Thành Đồng, Đoàn Bình Minh (2017), Tỷ lệ và cường độ nhiễm một số loài giun truyền qua đất ở khu vực phía Nam và Lâm Đồng, Kỷ yếu Hội nghị Ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 46 (2018), trang 119-126.
- [9] Phạm Thị Hà Trang và các cộng sự (2024), Mô tả thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm sán lá gan nhỏ *Opisthorchis viverrini* trên người tại xã Mỹ An, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (2018-2019), Tạp chí Y học Việt Nam. 538.